

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi 1 ngày (%)
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm	3.09	0.1
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm	4.65	7.4
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng	5.03	3.7
USD/VND	26,365	0.0
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm	4.2	0.2
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm	3.6	0.2

Tỷ giá USD/VND tiếp tục hạ nhiệt, tỷ niêm yết tại Vietcombank ngày 07/10 ở mức 26.178 – 26.398 đồng/USD, giảm 0,08% so với cuối tuần trước và giảm 0,52% so với mức đỉnh thiết lập thời điểm cuối tháng 8.

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng (USD/oz)	3,946.50	-0.1	8.9	49.2	
Dầu WTI (USD/b) 1 tháng	61.42	-0.4	-0.7	-20.4	
Dầu Brent (USD/b) 1 tháng	65.22	-0.4	-0.4	-19.4	
Thép (USD/tấn)	452.0	0.0	-5.6	-6.5	
Thịt heo (USD/kg)	1.7	-0.3	-9.5	-30.6	
Phân urea (USD/tấn)	372.5	-1.3	-15.3	21.1	

Giá vàng thế giới duy trì trên vùng đỉnh mới thiết lập. Việc chính phủ Mỹ đóng cửa kéo dài tiếp tục là thông tin hỗ trợ chính cho đà tăng của giá vàng trong đợt tăng giá này.

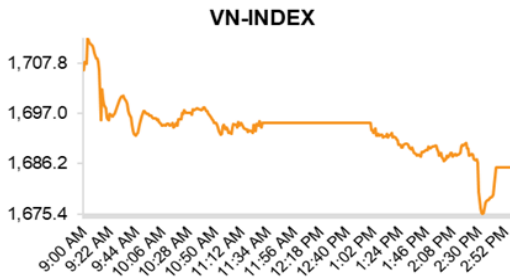
	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)
Dow Jones	46,695	-0.1
NASDAQ	24,979	0.8
S&P500	9,488	0.1
FTSE 100	24,359	-0.1
Nikkei 225	47,951	0.0
Shanghai Shenzhen CSI 300	4,641	0.4
KOSPI Index	3,549	2.7

GDP quý 3.2025 của Việt Nam tăng 8,23% svck chỉ thấp hơn mức tăng 14,38% của cùng kỳ năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. GDP 9 tháng đầu năm 2025 (9T2025) tăng 7,85% svck, tiệm cận mức mục tiêu của Chính phủ. Thu hút đầu tư nước ngoài 9T2025 đạt 28,54 tỷ USD, tăng 15,2% svck, vốn FDI thực hiện đạt 18,8 tỷ USD, tăng 8,5% svck.

Trong tháng 9.2025 kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ước đạt 42,67 tỷ USD, tăng 24,7% svck, kim ngạch nhập khẩu tháng 9 ước đạt 39,82 tỷ USD tăng 24,9% svck. Cán cân thương mại hàng hóa trong tháng 9 xuất siêu 2,85 tỷ USD.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn phần tháng 9.2025 của Việt Nam tăng 0,42% so với tháng trước và tăng 3,38% svck. Bình quân 9T2025, CPI toàn phần tăng 3,27% svck. Lạm phát cơ bản tháng 9 tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 3,18% svck.

Thị trường chứng khoán



Ngành (VNIndex)	Tỷ trọng VN-INDEX	Thay đổi (%)	P/E	P/B
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	3.2	3.30	299.3	3.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.5	-0.87	33.7	3.1
Năng lượng	2.5	-2.13	17.2	1.4
Tài chính	45.8	-1.00	13.6	2.0
Chăm sóc sức khỏe	0.7	0.12	19.8	2.8
Công nghiệp	9.0	-1.28	45.9	2.8
Công nghệ thông tin	3.6	-0.13	18.9	4.6
Vật liệu xây dựng	8.3	-0.77	18.1	1.8
Bất động sản	14.7	-0.21	46.2	3.3
Dịch vụ tiện ích	5.3	-0.20	14.7	1.9

Mặc dù VN-Index mở cửa trong sắc xanh và một lần nữa vượt qua mốc 1.700 điểm, tuy nhiên áp lực chốt lời trên vùng đỉnh ngắn hạn cùng tâm lý thận trọng của bên mua khi thời điểm FTSE Russell công bố kết quả nâng hạng đang đến gần đã khiến VN-Index mất dần điểm số tăng và ghi nhận 1 phiên điều chỉnh. Kết phiên, VN-Index giảm 10,2 điểm (- 0,6%) tạm dừng chân ở mốc 1.685,3 điểm. Thị trường nghiêng về số mã giảm điểm với tỷ lệ mã giảm giá/mã tăng giá là 247/77.

Điểm tích cực là áp lực bán trong phiên ngày hôm nay là không lớn khi thanh khoản khớp lệnh sụt giảm mạnh, trong đó thanh khoản khớp lệnh sàn HSX đạt hơn 22,9 nghìn tỷ đồng, giảm 22% so với phiên giao dịch trước đó và thấp hơn 21% so với thanh khoản khớp lệnh trung bình 20 phiên gần nhất. Việc VN-Index điều chỉnh trở lại sau một phiên tăng điểm mạnh và ngay trước thời điểm FTSE Russell công bố kết quả xét nâng hạng trong kỳ rà soát tháng 9.2025 của tổ chức này là diễn biến không bất ngờ, nó cho thấy tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư trước thời điểm thông tin quan trọng được công bố. Nhà đầu tư cần tiếp tục theo dõi sát diễn biến của thị trường trong các phiên giao dịch tới, trong kịch bản Việt Nam được FTSE Russell công bố nâng hạng nhà đầu tư cũng nên tránh tâm lý FOMO. Ngày kể với kịch bản tích cực, VN-Index vượt đỉnh 1.700 điểm thành công nhà đầu tư cũng nên kiên nhẫn và chờ mua sau khi thị trường test đỉnh thành công.

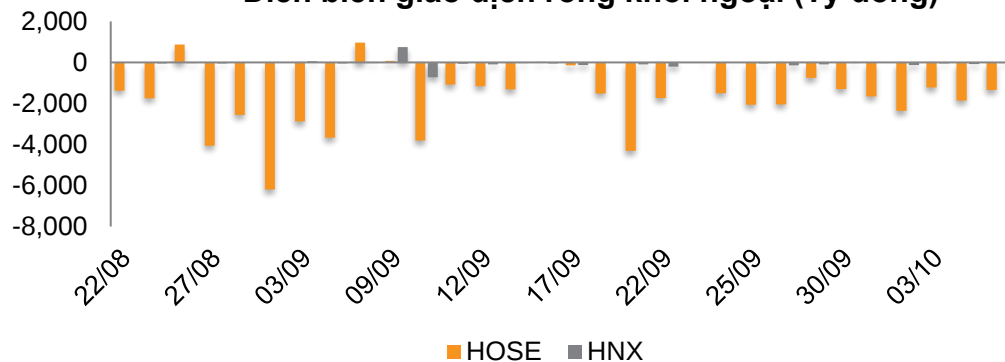
Nguồn: Bloomberg

Định giá P/E

Nhận định



Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)



Khối ngoại duy trì bán ròng trên HOSE với giá trị bán ròng là 1.342 tỷ đồng, tập trung vào STB (-218 tỷ), VRE (-197 tỷ), VHM (-180 tỷ). Ngược lại ở chiều mua, khối ngoại mua ròng chủ yếu là HPG (258 tỷ), FPT (108 tỷ), GEX (93 tỷ).

